

Chương 622 , Loại 490, khoản 491

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
QUÝ: III NĂM 2017

(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Dự toán giao năm 2017	1,757,796,030	1,757,796,030
I	Quyết toán thu ngân sách nhà nước quý: III/2017	1,757,796,030	1,757,796,030
	Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1,757,796,030	1,757,796,030
B	Quyết toán chi Ngân sách Nhà nước quý III/2017	1,757,796,030	1,757,796,030
I	Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1,757,796,030	1,757,796,030
1	Chi thanh toán cá nhân	1,633,745,932	1,633,745,932
	Mục 6000 - Tiền lương	622,236,007	622,236,007
	+ Tiểu mục: 6001 - Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	622,236,007	622,236,007
	Mục: 6050 - Tiền công trả cho người LĐTX theo hợp đồng	422,650,986	0
	+ Tiểu mục: 6051 - Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	422,650,986	
	Mục: 6100 - Phụ cấp lương	312,087,352	312,087,352
	+ Tiểu mục 6101:	20,218,000	20,218,000
	+ Tiểu mục: 6106	1,930,881	1,930,881
	+ Tiểu mục: 6112	208,985,208	208,985,208
	+ Tiểu mục: 6113	1,116,000	1,116,000
	+ Tiểu mục: 6115	79,837,263	79,837,263
	Mục: 6200 - Tiền thưởng	11,979,000	11,979,000
	+ Tiểu mục: 6201	11,979,000	11,979,000
	Mục: 6250 - Phúc lợi tập thể	2,905,000	2,905,000
	+ Tiểu mục: 6257	2,905,000	2,905,000
	Mục: 6300 - Các khoản đóng góp	246,362,587	246,362,587
	+ Tiểu mục: 6301	184,670,431	184,670,431
	+ Tiểu mục: 6302	31,090,842	31,090,842
	+ Tiểu mục: 6303	20,237,700	20,237,700
	+ Tiểu mục: 6304	10,363,614	10,363,614
	Mục: 6400 - Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	15,525,000	15,525,000
	+ Tiểu mục: 6401	5,400,000	5,400,000
	+ Tiểu mục: 6405	5,625,000	5,625,000
	+ Tiểu mục: 6406	4,500,000	4,500,000
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	118,970,098	118,970,098
	Mục: 6500 - Chi thanh toán dịch vụ công cộng	23,770,734	23,770,734
	+ Tiểu mục: 6501	8,017,150	8,017,150
	+ Tiểu mục: 6502	15,753,584	15,753,584

	Mục: 6550: Vật tư văn phòng	6,789,000	6,789,000
	+ Tiểu mục: 6551	4,300,000	4,300,000
	+ Tiểu mục: 6599	2,489,000	2,489,000
	Mục: 6600 - Thông tin truyền thông liên lạc	7,492,964	7,492,964
	+ Tiểu mục: 6601	7,492,964	7,492,964
	Mục: 6650 - Hội nghị	0	0
	Mục: 6700 - Công tác phí	10,180,000	10,180,000
	+ Tiểu mục: 6701	480,000	480,000
	+ Tiểu mục: 6702	2,050,000	2,050,000
	+ Tiểu mục: 6703	4,050,000	4,050,000
	+ Tiểu mục: 6704	3,600,000	3,600,000
	Mục: 6750 - Chi thuê mướn lao động trong nước	27,676,800	27,676,800
	+ Tiểu mục: 6757	27,676,800	27,676,800
	Mục: 6900 - Sửa chữa TS phục vụ CM, duy tu bồi dưỡng	39,309,000	39,309,000
	các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX		
	+ Tiểu mục: 6907	29,309,000	29,309,000
	+ Tiểu mục: 6917	10,000,000	10,000,000
	Mục: 7000 - Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành	3,751,600	3,751,600
	+ Tiểu mục: 7003	232,000	232,000
	+ Tiểu mục: 7049	3,519,600	3,519,600
3	Chi mua đồ dùng, trang thiết bị, phương tiện làm việc và xây dựng nhỏ	0	0
	Mục: 9000	0	0
	Mục: 9050 - Mua sắm tài sản dùng cho chuyên môn	0	0
4	Các khoản chi thường xuyên	5,080,000	5,080,000
	Mục: 7750 - Chi khác	5,080,000	5,080,000
	+ Tiểu mục: 7799	5,080,000	5,080,000
II	Nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0
	Mục: 6900	0	0

Số tiền bằng chữ: (Số tiền bằng chữ: (Một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn không trăm ba mươi đồng)

Hưng Đạo, ngày 04 tháng 10 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hiến